

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình: Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4633/SXD-QLN ngày 05/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với những nội dung chính như sau:

1. Khái quát dự án:

Dự án Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 19/6/2019; được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình tại Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 với giá trị dự toán là 2.891.148.000 đồng. Bao gồm các hạng mục cải tạo: Nhà tàn tật nặng, Nhà tàn tật nhẹ.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1629/SKHĐT-VX ngày 18/3/2021; Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản số

3922/UBND-VX ngày 29/3/2021, theo đó thống nhất chủ trương điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

2.1. Nhà tàn tật nặng:

a) Phần điều chỉnh: Không thực hiện các công việc cạo bỏ lớp vôi cũ trên dầm, xà, trần, tường, cột và sơn mới trong nhà.

b) Phần bổ sung:

- Bóc bỏ lớp gạch lát sàn tầng 1, sàn lát mới gạch Ceramic KT 500x500mm, riêng phòng vệ sinh lát gạch chống trơn Ceramic KT 300x300mm.

- Sàn phòng ở tầng 1 và tầng 2 đổ bê tông đá 1x2, mác 150, dày 8cm, tạo độ dốc hướng về phía khu vệ sinh.

- Tường trong phòng ở, phòng vệ sinh tầng 1 bóc bỏ lớp vữa trát tường cao 1,6m tính từ mặt sàn; ốp gạch KT 250x400mm cao 1,6m cho các phòng ở và phòng vệ sinh tầng 1. Thay thế mới toàn bộ thiết bị vệ sinh ở các phòng tầng 1.

- Tháo dỡ toàn bộ cửa chính, lắp dựng hướng mở cửa quay ra hành lang tầng 1.

2.2. Nhà tàn tật nhẹ:

a) Phần điều chỉnh: Không thực hiện các hạng mục công việc cạo bỏ lớp vôi cũ trên dầm, xà, trần, tường, cột và sơn mới trong nhà.

b) Phần bổ sung:

- Ốp gạch 09 phòng ở tầng 1 (bao gồm 02 phòng cán bộ và 07 phòng bệnh nhân) theo thiết kế ban đầu. Các phòng còn lại và hành lang tầng 2 ốp gạch KT 250x400mm, cao từ 1,6m xuống 0,25m tính từ mặt sàn.

- Tường trong phòng ở, phòng vệ sinh tầng 1 bóc bỏ lớp vữa trát tường cao 1,6m tính từ mặt sàn; trát lại và ốp gạch KT 250x400mm cao 0,25m.

- Tháo dỡ toàn bộ cửa chính, lắp dựng hướng mở cửa quay ra hành lang.

- Lắp đặt mới các thiết bị vệ sinh cho 11 phòng quay mặt về phía Bắc tầng 1 và 11 phòng quay mặt ra phía Đông tầng 2.

- Sàn phòng ở tầng 2 đổ bê tông đá 1x2, mác 150, dày 8cm tạo độ dốc hướng về phía khu vệ sinh.

3. Giá trị dự toán xây dựng công trình điều chỉnh (làm tròn): 2.891.148.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, một trăm bốn tám nghìn đồng*); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.307.873.368 đồng;

- Chi phí thiết bị: 0 đồng;

- Chi phí QLDA: 68.858.549 đồng;
- Chi phí TVĐTXD: 332.585.019 đồng;
- Chi phí khác: 45.746.277 đồng;
- Chi phí dự phòng: 136.084.721 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo văn bản này)

4. Các nội dung khác: Các nội dung khác không điều chỉnh, thực hiện theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Công trình sửa chữa cải tạo nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức quản lý thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VXBTXH95

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH

Công trình: Sửa chữa nhà ở cho đối tượng đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2
thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa).

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền		
		Giá trị theo QĐ 1201/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	Phần phát sinh (tăng +, giảm -)	Giá trị dự toán sau điều chỉnh
I	Chi phí xây dựng	2.310.502.000	-2.628.632	2.307.873.368
1	Cải tạo nhà tàn tật nặng	773.767.000		773.767.000
2	Cải tạo nhà tàn tật nhẹ	1.536.735.000		1,536,735,000
3	Khối lượng điều chỉnh, bổ sung		-2.628.632	-2.628.632
3.1	Cải tạo nhà tàn tật nặng		130.956.995	
3.2	Cải tạo nhà tàn tật nhẹ		-133.585.627	
II	Chi phí quản lý dự án	68.936.978	-78.429	68,858.549
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	328.271.370	4.313.649	332.585.019
1	Chi phí khảo sát địa hình	14.255.000		14.255.000
2	Chi phí kiểm định công trình	89.089.000		89.089.000
3	Chi phí lập BC KTKT	127.308.660		127.308.660
4	Chi phí thẩm tra thiết kế	5.961.095		5.961.095
5	Chi phí thẩm tra dự toán	5.776.255		5.776.255
-	Chi phí thẩm tra thiết kế điều chỉnh		2.200.000	2.200.000
-	Chi phí thẩm tra dự toán điều chỉnh		2.200.000	2.200.000
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp (theo TT16)	9.981.369		9.981.369
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	75.899.991	-86.351	75.813.640
IV	Chi phí khác	45.764.080	-17.803	45.746.277
1	Phí thẩm định BC KTKT	549.318		549.318

2	Chi phí bảo hiểm công trình	1.848.402	-2.103	1.846.299
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	27.465.906		27.465.906
4	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định KQLC nhà thầu	2.100.456		2.100.456
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (TT04/2019/TT-BXD)	13.799.998	-15.700	13.784.298
V	Chi phí dự phòng	137.673.721	-1.589.000	136.084.721
	Tổng cộng	2.891.148.149		2.891.147.935
	Làm tròn	2.891.148.000		2.891.148.000